

Số: 03/2025/QĐST-DS

Hà Trung, ngày 14 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ngân hàng V.

Địa chỉ: Tòa ..., số ..., phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền lại: Bà Tống Thị L; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 36/2024/UQ-M (V) ngày 01/10/2024).

Địa chỉ: Tầng ..., TTTM ..., số ... Đại lộ L, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công ty M.

Địa chỉ: Tầng ..., Tòa nhà V, số ..., phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T; chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Bà Thịnh Mai G; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (Theo văn bản ủy quyền số 2609/UQ-M (V) ngày 01/10/2024).

Địa chỉ: Tầng ..., TTTM ..., số ... Đại lộ L, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Đào Tiến D; sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tiểu khu ..., thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Viên Đình Hà P; sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tiểu khu ..., thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng V có ký với ông Đào Tiến D các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số LD2234100526 ngày 07/12/2022, số tiền cho vay: 100.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; phương thức giải ngân: Số tiền giải ngân cho mục đích mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng sẽ được V giải ngân vào tài khoản thanh toán của Công ty Bảo hiểm mở tại V; số tiền còn lại giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng tại V số 110314868; lãi suất cho vay 25%/năm; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc, lãi cho V theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hằng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2023.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 05/12/2022. Hạn mức đề nghị: 65.000.000 đồng; lãi suất cho vay: Theo quy định của V từng thời kỳ; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc, lãi cho V theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hằng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/01/2023.

Hợp đồng cho vay số LD2234100526 ngày 07/12/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 05/12/2022 vay theo hình thức tín chấp, không thế chấp bằng tài sản cụ thể.

Theo Hợp đồng thế chấp số LN1612200007865, số Công chứng 844, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/12/2016 tại Văn phòng Công chứng H giữa ông Đào Tiến D và Ngân hàng V thể hiện ở khoản 1 Điều 2 “Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên vay với bên Ngân hàng trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này bao gồm tất cả phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của văn kiện tín dụng này”.

2.2. Ngân hàng V đã bán cho Công ty M theo Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024V-M ngày 31/05/2024, bán một phần khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay ký giữa V với ông Đào Tiến D, cụ thể: Công ty M 90% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LD2234100526 ngày 07/12/2022; phần còn lại của V là 10% theo Hợp đồng cho vay số LD2234100526 ngày 07/12/2022; Công ty M 100% khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 05/12/2022.

2.3. Thời hạn tính đến ngày 06/01/2025 ông Đào Tiến D còn nợ gốc 144.083.478 đồng, nợ lãi trong hạn 17.882.995 đồng, nợ lãi quá hạn 99.555.124 đồng, tổng 261.521.597 đồng.

Trong đó: Nợ của V gốc 7.910.307 đồng, nợ lãi trong hạn 2.416.074 đồng, nợ lãi

quá hạn 1.144.058, tổng 11.470.439 đồng; nợ của Công ty M gốc 136.173.171 đồng, nợ lãi trong hạn 15.466.921 đồng, nợ lãi quá hạn 98.411.066 đồng, tổng 250.051.158 đồng.

2.4. Vợ chồng ông Đào Tiến D và bà Viên Đình Hà P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền 11.470.439 đồng (*Mười một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm ba mươi chín đồng*); trong đó nợ gốc 7.910.307 đồng (*Bảy triệu, chín trăm mười nghìn, ba trăm linh bảy đồng*); nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn 3.560.132 đồng (*Ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, một trăm ba mươi hai đồng*).

Vợ chồng ông Đào Tiến D và bà Viên Đình Hà P có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền 250.051.158 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu, không trăm năm mươi một nghìn, một trăm năm mươi tám đồng*); trong đó nợ gốc 136.173.171 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi một đồng*); nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn 113.877.987 đồng (*Một trăm mười ba triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thống nhất thỏa thuận (ngày 06/01/2025), ông Đào Tiến D và bà Viên Đình Hà P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận của Hợp đồng cho vay số LD2234100526 ngày 07/12/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 05/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng V và Công ty M.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đào Tiến D và bà Viên Đình Hà P không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng V và Công ty M thì Ngân hàng V và Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn khác gắn liền với đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 40 - BĐ năm 2013 tại địa chỉ: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 216..., số vào sổ cấp GCN CH02947 - TT/3061/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 07/07/2016 mang tên ông Đào Tiến D. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN1612200007865, số Công chứng 844, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 27/12/2016 tại Văn phòng Công chứng H giữa ông Đào Tiến D và Ngân hàng V; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 04/PLHD ký ngày 17/10/2022.

Trong trường hợp tài sản thế chấp sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V và Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đào Tiến D và bà Viên Đình Hà P để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V và Công ty M cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

2.5. Án phí: Căn cứ Điều 24; khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đào Tiến D và bà Viên Đình Hà P tự nguyện chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là $50\% \times (261.521.597 \text{ đồng} \times 5\%) = 6.538.039 \text{ đồng}$ (*Sáu triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, không trăm ba mươi chín đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng V và Công ty M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.950.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003681 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng